

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN HỮU VỊ Sex: MALE
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : VÕ HOÀNG ANH ; NGUYỄN XUÂN LÊ
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : JULY 12th 1925 - MỸ THO, VIỆT-NAM
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 174/107/10 NGUYỄN: THIÊN THUẬT
QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : SAME AS 4.
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : JUST RELEASED FROM RE-EDUCATION CAMP

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>TRẦN THỊ CỎ</u>	<u>APRIL 1/1927</u>	<u>CÀ MAU - VIETNAM</u>	<u>FEMALE</u>	<u>(M)</u>	<u>SPOUSE</u>
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	: TUAN HUU NGUYEN	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: SON	
c. Address Địa-chỉ	: TEXARKANA, TX	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	: 1975	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	: TRẦN VĂN ANH (D)
2. Mother Mẹ	: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG (D)
3. Spouse Vợ/Chồng:	: TRẦN THỊ CỎ (L)
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	
5. Children Con cái:	
	(1) NGUYỄN THỊ THANH LOAN (L)
	(2) NGUYỄN HUU TUAN (L)
	(3) NGUYỄN HUU SI (L)
	(4) NGUYỄN THỊ THANH VÂN (L)
	(5) NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG (L)
	(6) NGUYỄN THỊ THANH HẠ (L)
	(7) _____
	(8) _____
	(9) _____
6. Siblings Anh chị em:	
	(1) _____
	(2) _____
	(3) _____
	(4) _____
	(5) _____
	(6) _____
	(7) _____
	(8) _____
	(9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN HỮU VĨ

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ AUGUST/16/1956 Đến SEPTEMBER/30/1974

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : TRUNG TÁ Serial Number: 45/101.27
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : SEE ATTACHED "BAN TUONG MAO QUAN VU"

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : " " "

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

AGE (RETIRED)

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

SEE ATTACHED "BAN TUONG MAO QUAN VU"

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

u u "

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award:
Phân-thưởng hoặc giấy khen:

u " "

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☒ No ☐)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đúng sự có không? Có ☐ Không ☐)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYỄN HỮU VÍ

2. School and School Address:
Trường và địa-chỉ nhà trường:

SEE ATTACHED "BAN TUONG MAO QUAN VU"

3. Dates:
Ngày, tháng, năm

From
Từ:

To
Tới:

4. Description of Courses:
Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-thọ chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☒ No ☐)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo: NGUYỄN HỮU VÍ

2. Time in Reeducation:
Thời gian học-tập

From:

Từ:

To:

Tới:

JUNE 17/1975 SEPTEMBER 5/1978

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cứcc chú phụ-thuộc

Signature
Ký tên:

Thanh

Date
Ngày:

November 5th 1978

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-cổ kèm theo với số câu hỏi này

02 documents

① BAN TUONG MAO QUAN VU

② GIẤY RA TRẠI

Pierrefonds, 20 tháng 12 năm 1988

Kính gửi Bà Khúc Minh Thảo,
Chủ tịch Hội gia đình tù nhân chính trị VN.

Thưa Bà,

Tháng 11/88 cháu có gửi thư đến hội đề hỏi thăm về việc xin cho Ba cháu, ông Nguyễn Hữu Vĩ, sang định cư ở Mỹ theo diện "Chính phủ Mỹ bác lãnh", dựa vào thỏa thuận giữa hai chính phủ Mỹ và Việt-Nam về việc đưa những người học tập cải tạo ở Việt Nam ra khỏi nước. Cùng với lá thư trên cháu có gửi kèm mẫu đơn O.D.P. với những chi tiết mới, một bản sao bản tường báo quân vụ và một bản sao giấy ra trại của Ba cháu.

Cháu rất mong thư hồi âm của Bà về việc này và Ba Mẹ cháu ở Việt Nam cũng trông tin từng giờ từng phút. Việc xin đi định cư theo thỏa thuận của hai chính phủ là ý muốn của Ba Mẹ cháu và hai người hy vọng là mọi việc sẽ xúc tiến nhanh chóng hơn các loại bảo lãnh khác.

Cháu xin Bà cho biết gấp chi tiết về việc này. Cháu xin lỗi đã làm phiền Bà và hội, xin kính chúc Bà và toàn thể hội một mùa Giáng sinh vui vẻ và năm mới tốt đẹp.

Nay kính
Thanh Hương

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

PIERREFONDS, QUEBEC

H9H 9Z7

CANADA

(HỒ SƠ NGUYỄN HỮU VĨ)

CANADIAN POSTAL MONEY ORDER / MANDAT DE POSTE CANADIEN

PAY TO / PAYEZ A: **HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

CHECK INSTRUCTIONS ON REVERSE BEFORE CASHING
LISEZ LES INSTRUCTIONS AU VERSO AVANT D'ENCAISSER.

Send No. Day Month Year Office No. Fee Code Currency Amount

US\$ **1200**

Nº du ordre Jour Mois Année Nº du bureau Code de droit Monnaie Montant

SENDER / ENVOYEUR: **NGUYEN THI THANH HUONG**

ADDRESS / ADRESSE: _____

Account No. / Numéro du compte: _____

000000-1271

Executive Board

KHUC MINH THO
President
TRAN KIM DUNG, MS
Vice-President
NGUYEN QUYNH GIAO
Vice-President
TRINH NGOC DUNG, MA
Secretary General
NGUYEN XUAN LAN, MA
Deputy Secretary
TRAN THI PHUONG
Treasurer
HUYNH KIM CHI
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn / Advisory Committee

DUONG MY-LINH SOLANO, Esq.

Hội Gia Đình Tự Nhân Chính Trị Việt Nam hoạt động bất vụ lợi, thuần túy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích yêu trợ cho việc trả tự do cho tù nhân chính trị Việt Nam và đoàn tụ gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây:

Họ và Tên: Nguyễn Thị Thanh Hương
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (nhà)

Tên thân nhân trong danh sách tù nhân chính trị của Hội:

Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị: Đặc ủy Trần Hưng
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em v.v.) Còn lại Trần Bảo

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời gởi: _____
Niên lệ: _____ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tùy ý)

Thở tử, ngân phiếu xin gởi về:

Hội Gia Đình Tự Nhân Chính Trị Việt Nam
5435, ARLINGTON VA 22205
PHONE: _____

UNION POSTALE COUPON-RÉPONSE C 22
UNIVERSELLE INTERNATIONAL

Ce coupon est échangeable dans tous les pays de l'Union postale universelle contre un ou plusieurs timbres-poste représentant l'affranchissement minimal d'une lettre ordinaire, expédiée à l'étranger par voie de surface.

Emplacement d'impression 280049 -1- 25 1 1986 HA	Prix de vente (indication facultative)	Timbre du bureau où effectue l'échange
---	---	---



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO
TRẦN KIM DUNG, MS
NGUYỄN XUÂN LAN, MA
TRINH NGỌC DUNG, MA
NGUYỄN QUỲNH GIAO
TRẦN THỊ PHƯƠNG
HUỲNH KIM CHI
DUYNG MỸ-LINH SOLAND
MRS. LÊ VĂN HÙNG

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO
President
TRẦN KIM DUNG, MS
Vice-President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice-President
TRINH NGỌC DUNG, MA
Secretary General
NGUYỄN XUÂN LAN, MA
Deputy Secretary
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Treasurer
HUỲNH KIM CHI
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

DUYNG MỸ-LINH SOLAND, Esq.

Mẫu Đơn Xin Gia-Nhập

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
#####

Hội Gia Đình Tủ Nhân Chính Trị Việt Nam hoạt động bất vụ lợi, thuần túy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích yêu trợ cho việc trả tự do cho tù nhân chính trị Việt Nam và đoàn tụ gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây:

Họ và Tên: Nguyễn Thị Thanh Hương
Địa chỉ: Pierre Jonds
HQJ3E7 - Quebec - Canada

Điện thoại: (số) _____ (nhà) _____
Tên thân nhân trong danh sách tù nhân chính trị của Hội:

NGUYỄN HUU VI (Cháu Văn Phụng Phức)
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị: Đặc Ủy Trung ương
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em v.v.) Con gái Tiểu Bảo

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niên lệ: ✓ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tùy ý)

Thở tú, ngân phiếu xin gửi về:

Hội Gia Đình Tủ Nhân Chính Trị Việt Nam
P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205
TELEPHONE: _____

INTAKE FORM
Mẫu Đơn Về Lý Lịch
CHO HỘI GIỮ

Hồ Sơ hồ tước
"Nguyễn Hữu Vĩ"

NAME (TÊN) : NGUYEN HUU VĨ
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 07 / 12 / 1925
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Male Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married Married (có lập gia đình) :
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 25A / TD63 / NH - HÃ NAM NINH
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) Yes No (Không)
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : To (Đến) :

PLACE OF RE-EDUCATION : 25A / TD63 / NH - HA NAM NINH -
CAMP (TRẠI TỰ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Chánh văn phòng phụ Đắc uỷ Trung ương Tỉnh báo

EDUCATION IN U.S. : Tỉnh báo
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : Trung tá

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không)

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 01

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 174/107/10 Nguyễn Thiện Thuật -
(Địa chỉ liên lạc tại VN) Phường Bân Cờ - Quận 3 - Tp Hồ Chí Minh

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE :
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trờ) Québec - H9J3E7 - Canada

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : Con gái

NAME AND SIGNATURE : NGUYEN THI THANH HUONG Manhuong

ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, DT của người điền đơn này)

DATE : 27/01/1986

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN HUU VI
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
TRẦN THỊ CỎ	April / 01 / 1927	SPOUSE

ADDITIONAL INFORMATION:

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: January 27th 1986

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : NGUYEN HUU VI Sex: Male
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : July, 12th 1985 - MY THO, VIETNAM
4. Residence Address,
Địa-chỉ thường-trú : Re-education camp:
25A/TDE3/NH - Ha Nam Ninh - Vietnam
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 174/107/10 NGUYEN THIEN THUAT -
PHUONG BAN CO - QUAN 3 - Tp HO CHI MINH
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : _____

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. TRAN THI CO -	April 01/1927	Ca Mau, Vietnam	Female	(M)	Spouse
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	: NGUYEN HUU TUAN	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: SON	
c. Address Địa-chỉ	: <u>Wichita, KANSAS</u>	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	: 1975	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	: NGUYEN THI THANH	HUONG
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: DAUGHTER	
c. Address Địa-chỉ	:	Pierrefonds

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết) *Quebec - Canada*

1. Father Cha	: TRAN VAN ANH
2. Mother Mẹ	: NGUYEN THI PHUONG
3. Spouse Vợ/Chồng:	: TRAN THI CO
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	
5. Children Con cái:	(1) NGUYEN THI THANH LOAN (2) NGUYEN HUU TUAN (3) NGUYEN HUU SI (4) NGUYEN THI THANH VAN (5) NGUYEN THI THANH HUONG (6) NGUYEN THI THANH HA (7) (8) (9)
6. Siblings Anh chị em:	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYEN HUU VI

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến _____

3. Last Rank Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng : Trung tá Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : _____

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : _____

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Việt-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đúng sự có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN HUU VÍ
2. Time in Reeducation: From: To:
Thời gian học-tập Từ: 1975 Đến: Now
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có Yes Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

To: Mrs KHUC MINH THO

(FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION)

P.O. BOX 5435

ARLINGTON , VA 22205

U.S.A.

From: Nguyễn Thị Thanh Hương

Québec -

Pierrefonds

- Canada

2020

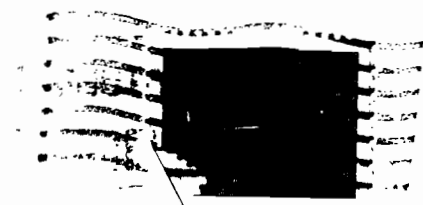
To: NGUYEN THI THANH HUONG

PIERREFONDS, QUEBEC

H9H 9Z7

CANADA

From: NGUYEN thi Thanh Huong



To:

Mrs MINH THO KHUC

5555, COLUMBIA PIKE

ARLINGTON, VIRGINIA 22204

U.S.A.

Please forward to:

P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

Trần h 15
bộ liên vi
- có coupon
thả lời thư

To:

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC.

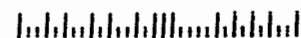
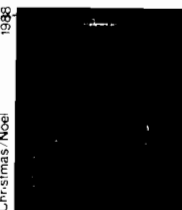
ARLINGTON, VA 22205

U. S. A.



100

CANADA 37



Chị họ
tên họ của cô bé này
như
Kính

Đi 41 căn
bỏ 117/86

PIERREFONDS, QUÉBEC

Cháu xin tự giới thiệu, cháu tên là Nguyễn Thị Thanh Hương,
hiện cư ngụ tại số:

PIERREFONDS, QUÉBEC

Canada.

PIERREFONDS, QUÉBEC

PIERREFONDS, QUÉBEC

PIERREFONDS, QUÉBEC

PIERREFONDS, QUÉBEC

Chức vụ có thể thay
sử dụng

Chưa làm
card vợ
ODP vì chưa
h/S hồ tức di
có đủ chi tiết
hơn
1/17/86

Cháu tên là Nguyễn Thị Thanh Hương,
Bd ANTOINE FAUCON

m giới thiệu Hội gia đình tư nhân
được làm phiên Ba với lá thư này

Nên Bà có cách nào giúp đỡ cho Ba cháu được ra khỏi trại cải tạo để nôm hợp với gia đình thì cháu xin Bà chỉ dẫn cho cháu. (Cháu đã làm giấy báo lãnh cho Ba Mẹ cháu, chỉ chờ Ba cháu ra khỏi trại cải tạo).

Kênh chao Bả

Chandua

Empreinte de coteure du pays d'origine 	Prix de vente (indication facultative)	Timbre du bureau qui effectue l'échange 
--	---	---



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE: .

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN HUU VI
Last Middle First

Current Address RE-EDUCATION CAMP: 25A/TD63/NH - HA NAM NINH - VIETNAM

Date of Birth JULY-12-1925 Place of Birth VIETNAM

Names of Accompanying Relatives/Dependents

TRAN THI CO (spouse)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 1975 To NOW

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>NGUYEN HUU TUAN</u>	<u>(SON)</u>	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____

Form Completed By:

NGUYEN THI THANH HUONG
Name

Address _____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

PAGE 2

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN HUU VI
Last Middle First

Current Address RE-EDUCATION CAMP: 25A/TD63/NH - HA NAM NINH - VIETNAM

Date of Birth JULY-12-1925 Place of Birth VIETNAM

Names of Accompanying Relatives/Dependents

TRAN THI CO (AOR) 117

Time Spent in a Re-educ

Names of Relatives/Acq

NAME

NGUYEN HUU TUAN

Form Completed By:

NGUYEN THI THANH HUONG

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

COMPUTERIZED

delete

Released

2/1/6 to the

4/6

Chức bộ tư
giấy ra trư -

CONTROL

Card
Doc. Request; Form
X Release Order 11/7/91
Computer
Form "D"
ODP/Date
Membership; Letter

o có Giấy ra train -

Y/C

Số 2 Giấy ra train
cho 185

BỘ NỘI VỤ
Trại **Thủ Đức**
Số **591** CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

>0 644
Mẫu số 001-QT/G, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **82** ngày **24** tháng **08** năm **1988**
của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Hữu Vĩ.** Sinh năm **1925**

Các tên gọi khác: **Võ Hoàng Anh - Nguyễn Xuân Lê.**

Nơi sinh **Châu thành - Mỹ Tho.**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **174/107/10 Nguyễn Thiện Thuật, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Can tội **Trung tá chánh văn phòng phủ đạo ủy trung ương T.B.**

Bị bắt ngày **17-6-1975.** Án phạt **Tập trung cải tạo.**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **174/107/10 Nguyễn Thiện Thuật, Quận 3, TP/HCM.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Sửa trình cải tạo ở trại anh Vĩ cố cố gắng trong lao động, học tập và chấp hành nội quy trại cố tiến bộ.

-Tiền đi đường đã cấp đủ từ trại về đến gia đình.

Hướng sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Nơi cư trú.**

Trước ngày **7** tháng **9** năm **1988**

Lưu tay ngón trái phải

Của **Nguyễn Hữu Vĩ.**

Danh bìn số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Hữu Vĩ

Nguyễn Hữu Vĩ



Ngày **5** tháng **9** năm **1988**

Giám thị

Nguyễn Văn...

NGUYEN THI THANH HUONG

CANADA

Pierrefonds, 11/5/88

Kính gửi Bà Khúc Minh Thờ,
Chủ tịch hội Gia đình tù nhân chính trị VN

Thưa Bà,

Tháng 1/1986 cháu có nhờ hội giúp đỡ cho trường hợp của Ba cháu, Ông Nguyễn Hữu Vĩ, học tập cải tạo ở Hà Nam Ninh. Cháu đã điền một mẫu lý lịch do hội gửi và một mẫu đơn đề² gửi cho O.D.P.

Ba cháu đã được phóng thích ngày 5 tháng 9 năm 1988 và hiện còn ở Việt-Nam. Cháu xin nhờ Bà cho biết cách bỏ² tức hồ sơ đề² xin cho Ba Mẹ cháu được định cư ở Mỹ do chính phủ Mỹ bảo lãnh dựa theo thỏa thuận của hai chính phủ Mỹ và Việt-Nam.

Cháu xin gửi kèm theo đây:

- Một mẫu đơn đề² bỏ² tức hồ sơ O.D.P. với những chi tiết mới
 - Một bản sao giấy ra trại đề² đính kèm đơn O.D.P.
 - Một bản sao bản tường mào quân vụ đề² đính kèm đơn O.D.P.
- Địa chỉ² mới của cháu là:

Mrs NGUYEN THI THANH HUONG

CANADA

Cháu thành thật cảm ơn sự giúp đỡ của Bà và xin
chúc Bà cũng toàn thể hội mọi điều tốt đẹp.

Thanh

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435

ARLINGTON

VA 22205

U.S. A.

C O N T R O L

____ Card
☒ Doc. Request; Form 5/14/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter